

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2018

“V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mên;
2. Ông Tăng Trung Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 19 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp B, xã C, huyện D, thành phố F.

2/ Bị đơn: Bà Vương Thị Thanh B, sinh năm 19 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 31 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Minh A trình bày:

Ông và bà Vương Thị Thanh B cưới nhau vào ngày 04/01/2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, thành phố F. Sau khi cưới thì bà B về làm dâu bên gia đình ông, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 ngày thì phát

sinh mâu thuẫn do bà B cứ đòi về nhà cha mẹ ruột sống đến ngày 20/01/2018 thì bà B về nhà cha mẹ ruột sống từ đó ông và bà B sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Ngày đám hỏi cha mẹ ông có cho cô dâu 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, trước ngày đám cưới khoảng 08 ngày thì cha mẹ ông có xuống cho 01 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, ngày đám cưới cha mẹ vợ có cho ông 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k. Số tài sản trên hiện nay bà B đang quản lý 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, còn ông quản lý 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh A yêu cầu được ly hôn, về tài sản ông yêu cầu chia đôi số vàng cưới tổng cộng là 11 chỉ vàng 24k riêng đôi bông tai ông đồng ý cho riêng bà B không tính vào tài sản chung.

Tại văn bản ý kiến ngày 05/3/2018, các biên bản ghi lời khai bà Vương Thị Thanh Vân trình bày :

Bà Vương Thị Thanh B và ông Nguyễn Minh A cưới nhau vào ngày 04/01/2018 có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2017 tại UBND xã C, huyện D, thành phố F sau cưới thì bà sống bên gia đình ông A được khoảng hơn 10 ngày thì bà bị bệnh nên ông A đưa bà về nhà cha mẹ ruột của bà sau đó thì ông A không tới thăm bà và gửi đơn xin ly hôn với bà. Đối với yêu cầu ly hôn của ông A thì bà B đồng ý ly hôn.

Về tài sản: Bà B thừa nhận là bên gia đình ông A có cho bà 10 chỉ vàng 24k (gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 chiếc lắc 04 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ tất cả đều là vàng 24k), số tài sản trên bà B cho rằng đó là tài sản riêng của bà vì số vàng này bên chồng cho bà trước khi đám cưới nên đó là tài sản riêng của bà nên bà không đồng ý chia, với lại trong thời gian bà về sống bên cha mẹ ruột bà thì bà có bị bệnh không có tiền đi trị bệnh nên bà đã bán số vàng trên để điều trị bệnh, còn số vàng 02 chỉ vàng 24k hiện nay ông A đang quản lý bà không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Về con chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2018 bà Trần Thị N trình bày: Bà là mẹ của ông Nguyễn Minh A khi bà cưới vợ cho ông A bà có cho vợ chồng ông A 10 chỉ vàng 24k, vào ngày đám hỏi cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k nặng 01 chỉ; gần đến ngày đám cưới 08 ngày bà có đem xuống cho bà B 01 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, ngày đám cưới bên nhà gái có cho ông A 02 chỉ vàng 24k, mục đích bà cho vàng là cho để sau khi cưới về các con làm vốn làm ăn chứ không phải bà cho riêng cô dâu. Nay thì số vàng bà đã cho vợ chồng ông A, bà không đòi lại tự vợ chồng ông A sử dụng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/5/2018 bà Lý Thị S trình bày: Bà là mẹ ruột của bà B vào ngày đám hỏi của bà B thì bên nhà trai có cho con bà 01 đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24k, gần đến ngày cưới thì nhà trai có qua cho con bà 01 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, ngày đám cưới gia đình bà có cho con rể 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k, số vàng trên khi về thì con bà có quản lý 10 chỉ vàng 24k nhưng thời gian về sống bên gia đình bà thì con bà có bệnh nhưng bên

chồng không lo nên đã bán số vàng trên để trị bệnh, còn con rể bà quản lý 02 chỉ vàng 24k phần của gia đình bà cho.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Vương Thị Thanh B.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của ông Nguyễn Minh A.

Về tài sản: Trong thời gian chung sống giữa ông A và bà B được 2 bên tặng cho tổng số vàng cưới là 12 chỉ, tại phiên tòa ông A tự nguyện cho bà B 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, còn lại số vàng 11 chỉ vàng 24k ông A yêu cầu chia đôi, hiện nay ông A đang giữ 02 chỉ, bà B giữ 09 chỉ, đối với yêu cầu của ông A là có cơ sở đề nghị HĐXX chấp nhận, buộc bà B phải có trách nhiệm giao lại cho ông A số vàng 3,5 chỉ vàng 24k.

Về con chung: Không có;

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vương Thị Thanh B đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bà Vương Thị Thanh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Minh A và bà Vương Thị Thanh B là loại kiện hôn nhân và gia đình, ông A và bà B tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã C, huyện D, thành phố F cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2017 ngày 03/11/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh A và bà Vương Thị Thanh B là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh A, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì ông A và bà B sống hạnh phúc được khoảng 10 ngày thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà B bị bệnh ông A không quan tâm lo lắng mà đưa bà B về nhà cha mẹ ruột của bà, từ đó giữa bà B và ông A dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, ông A và bà B chính thức sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy ông A và bà B phát sinh mâu thuẫn sau khi cưới nhau mặc dù ông A cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân của mình nhưng bà B không đồng ý về sống cùng ông, từ đó ông A thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân của mình, cuộc sống hôn nhân không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông A giữ nguyên yêu cầu ly hôn cùng bà B nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh A.

[4] Về con chung: Không có;

[5] Về tài sản chung: Trong thời gian tổ chức cưới thì gia đình hai bên có cho số vàng tổng cộng là 12 chỉ vàng 24k hiện nay bà B quản lý 10 chỉ ông A quản lý 02 chỉ, tại phiên tòa ông A tự nguyện cho bà B 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, còn lại là 11 chỉ ông yêu cầu chia đôi vì đó là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay ông đang quản lý 02 chỉ, bà B quản lý 09 chỉ. Xét thấy, số vàng 11 chỉ vàng 24k là tài sản chung của ông A và bà B vì gia đình hai bên cho số vàng trên là thời điểm ông A và bà B đã làm đám hỏi xong và đã đăng ký kết hôn cũng như mục đích cha mẹ hai bên cho vàng là để sau khi cưới các con làm vốn nên khi bà B và A cưới nhau cha mẹ hai bên có cho vợ chồng ông tổng cộng là 12 chỉ vàng 24k, khi ly hôn thì ông đồng ý cho riêng bà B đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, còn 11 chỉ ông yêu cầu chia đôi mỗi người 5,5 chỉ, đối với yêu cầu của ông A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hiện nay ông đang quản lý 02 chỉ bà B quản lý 09 chỉ nên cần buộc bà B phải có trách nhiệm giao cho ông A 3,5 chỉ vàng 24k.

[6] Đối với yêu cầu của bà B cho rằng số vàng 10 chỉ vàng 24k do gia đình ông A cho bà đó là tài sản riêng của bà vì số vàng đó không phải cho trong ngày cưới và ngày đám hỏi mà tự gia đình bên ông A đem xuống cho trước ngày đám cưới. Xét thấy, theo thông lệ tại địa phương khi cưới vợ gã chồng cho con thì cha mẹ hai bên cho các con tài sản như vàng, tiền để các con làm vốn sau khi cưới, nên khi bà B và ông A cưới nhau cha mẹ hai bên có cho bà B và ông A số vàng là 12 chỉ vàng 24k, vì khi cha mẹ hai bên cho mục đích là cho các con chứ không cho riêng ai cũng như thời điểm gia đình ông A cho vàng bà B thì giữa bà B và ông A đã đăng ký kết hôn, nên tài sản này có được là trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung, bà B cho rằng đây là tài sản riêng của bà, bà không đồng ý chia, đồng thời bà cho rằng trong thời gian bà về sống bên nhà cha mẹ bà thì bà đã bán hết số vàng để điều trị bệnh nên bà không đồng ý chia cho ông A nhưng bà không chứng minh được việc bà điều trị bệnh nên yêu cầu của bà là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Nguyễn Minh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung; bà Vương Thị Thanh B phải chịu án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh A được ly hôn với bà Vương Thị Thanh B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Tài sản chung của ông A và bà B có 11 chỉ vàng 24k loại vàng 98%, chia đôi mỗi người 5,5 chỉ (năm chỉ rưỡi) vàng 24k loại vàng 98%, Bà B đang quản lý 09 chỉ, ông A quản lý 02 chỉ. Buộc bà Vương Thị Thanh B phải có trách nhiệm giao cho ông A 3,5 chỉ (ba chỉ rưỡi) vàng 24k loại vàng 98%.

4. Về Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh A phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 998.525 đồng án phí chia tài sản chung (*giá vàng theo thị trường Súc Trăng tại thời điểm xét xử là 3.631.000 đồng/01 chỉ*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 805.000 đồng theo biên lai thu số 0008980 ngày 07/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông A phải nộp thêm 493.525 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Vương Thị Thanh B phải chịu 998.525 đồng án phí chia tài sản chung, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên

